

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 22/3/2019
V/v tranh chấp dân sự hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Ngô Văn khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 724/2018/TLST-DS ngày 21/12/2018 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn L1, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1946 (Có mặt);

Bà Trần Thị U, sinh năm 1954 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Văn L1 trình bày:

Vào ngày 04/01/2018 ông L2 có làm biên nhận vay của ông 1.500.000.000đ, ông L2 nói vay về để vợ chồng chi phí làm lúa và chi phí sinh hoạt, do biên nhận chỉ có ông L2 ký, sợ sau này đòi nợ bà U là vợ không thống nhất, nên ông yêu cầu ông L2 và bà U cùng viết biên nhận nợ. Vào ngày 20/01/2018 ông L2 bà U viết biên nhận và ký tên nhận nợ số tiền 1.547.000.000đ, trong đó có 47.000.000đ là

tiền lãi tính từ ngày 04/01/2018 đến ngày 20/01/2018, trong biên nhận tính lãi 4%/tháng, hẹn đến ngày 05/4/2018 sẽ trả nợ gốc và nợ lãi.

Đến ngày 05/4/2018 ông L2 bà U trả nợ gốc được 100.000.000đ và từ ngày vay đến ngày 20/6/2018 ông L2 bà U trả lãi nhiều lần được 280.000.000đ. Nay ông có ý kiến và yêu cầu như sau:

Yêu cầu ông L2 bà U phải trả nợ gốc là 1.400.000.000đ và trả lãi từ ngày vay theo lãi suất do Nhà nước quy định, trả cho đến khi ông L2 bà U trả hết nợ.

Về tiền lãi: Ông đã nhận là 280.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, đồng ý trừ vào tiền lãi đã nhận, nếu dư đồng ý trừ vào nợ gốc, nếu thiếu thì ông L2 bà U phải trả cho đủ tiền lãi.

Tại Bản khai ngày 09/01/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn L2 trình bày:

Ông là chồng bà Trần Thị U, từ đầu năm 2015 đến khoảng tháng 6/2018 ông có vay của ông L1 800.000.000đ, lãi suất 7,5%/tháng, vay không kỳ hạn, trả lãi hàng tháng, sau đó vay thêm 700.000.000đ, hai lần vay có làm biên nhận, tổng cộng là 1.500.000.000đ, ông trả lãi khoảng 3.990.000.000đ, phần này hai bên đã tính toán xong nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Khoảng ngày 04/01/2018 Ông có vay của ông L1 1.500.000.000đ về để chi phí canh tác lúa và chi phí chung cho sinh hoạt vợ chồng, do Ông làm biên nhận và ký tên, nên ông L1 yêu cầu vợ Ông là bà U cùng ký tên nhận nợ, vì vậy ngày 20/01/2018 hai bên tính lãi với số tiền là 47.000.000đ, Ông và bà U làm biên nhận nợ ông L1 số tiền là 1.547.000.000đ. Nay Ông có ý kiến như sau: Đồng ý trả nợ gốc 1.400.000.000đ, xin trả mỗi tháng 3.000.000đ, trả cho đến khi hết nợ, về tiền lãi yêu cầu ông L1 không tính.

Tại Bản khai ngày 09/01/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, bị đơn Trần Thị U trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn L2, bà có cùng ông L2 ký tên trong biên nhận vay ngày 20/01/2018 để vay ông Đoàn Văn L1 1.547.000.000đ, trong đó có 47.000.000đ là tiền lãi, sau đó trả nợ gốc được 100.000.000đ, trả lãi 15.000.000đ. Nay bà có ý kiến như sau:

Ông L2 vay tiền của ông L1 về cho vay lại, lấy lãi sử dụng tiêu dùng cá nhân, vì vậy ông L2 phải có trách nhiệm trả nợ cho ông L1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay là 1.547.000.000đ và trả nợ lãi, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý vụ án: Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối bà U.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Đoàn Văn L1 với ông Nguyễn Văn L2 và bà Trần Thị U là hợp pháp. Hợp đồng được thể hiện trong biên nhận vay ngày 20/01/2018 và đã được L2 và bà U thừa nhận;

Giữa các đương sự đã thống nhất được một số nội dung sau: Vào ngày 04/01/2018 ông L2 có làm biên nhận vay của ông L1 1.500.000.000đ, đến ngày 20/01/2018 hai bên tính lãi với số tiền là 47.000.000đ, ông L2 và bà U làm biên nhận và cùng ký tên nhận vay của ông L1 1.547.000.000đ, vay với lãi suất 4%/tháng, hạn đến ngày 05/4/2018, sẽ trả nợ gốc và nợ lãi. Ngày 05/4/2018 ông L2 bà U trả nợ gốc được 100.000.000đ, tính đến nay ông L2 và bà U còn nợ gốc là 1.400.000.000đ;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, việc buộc ông L2 và bà U phải trả nợ gốc cho ông L1 1.400.000.000đ là phù hợp;

[3.21] Về tiền lãi: Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tiền lãi mà ông L2 và bà U phải trả cho ông L1 như sau:

Từ ngày 04/01/2018 đến ngày 05/4/2018, thời gian là 03 tháng 01 ngày, tiền lãi là 75.530.000đ ($1.500.000.000đ \times 1,66\% \times 03 \text{ tháng } 1 \text{ ngày} = 75.530.000đ$);

Từ ngày 06/4/2018 đến ngày 22/3/2019, thời gian là 11 tháng 16 ngày, tiền lãi là 268.035.000đ ($1.400.000.000đ \times 1,66\% \times 11 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 268.035.000đ$, tính tròn).

Tổng cộng tiền lãi là 343.565.000đ, ông L1 đã nhận tiền lãi là 280.000.000đ, do đó ông L2 bà U còn phải trả lãi cho ông L1 là 63.565.000đ.

Ông L2 bà U phải trả cho ông L1 nợ gốc là 1.400.000.000đ, nợ lãi là 63.565.000đ, tổng cộng là 1.463.565.000đ.

Bà U trình bày: Sau khi viết biên nhận vay của ông L1 1.547.000.000đ, bà trả lãi cho ông L1 được 15.000.000đ, lời trình bày của bà U là không đúng sự thật bởi

lẽ L1 thừa nhận là đã nhận lãi của ông L2 bà U 280.000.000đ, xét thấy lời trình bày của ông L1 là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận lời trình bày của ông L1 về tiền lãi đã nhận như đã nêu ở phần trên.

[4] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 55.906.950đ, do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên được xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn L1 đối với ông Nguyễn Văn L2 và bà Trần Thị U;

Buộc ông Nguyễn Văn L2 và bà Trần Thị U chịu trách nhiệm liên đới phải trả cho ông Đoàn Văn L1 số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.463.565.000đ (Một tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng);

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông L1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông L2 và bà U chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L2 và bà Trần Thị U được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Đoàn Văn L1 được nhận lại 29.205.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0004517 ngày 21/12/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Bùi văn Toán